TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2023
V/v Tranh chấp về ly hôn;

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tợi;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Võ Công Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 379, tổ 51, ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Công K, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 379, tổ 51, ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 5 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Công K tự nguyện sống chung vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh K thường xuyên uống rượu về nhà gây bất hòa

trong gia đình; vợ chồng ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1997. Con chung đã thành niên nên chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – anh Lê Công K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định anh chị tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn do anh có thường xuyên uống rượu nên vợ chồng bất hòa nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị T xin ly hôn nhưng anh không đồng ý, anh muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1997. Con chung đã thành niên nên anh K không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K trình bày không đồng ý ly hôn nên anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Công K; về con chung: ghi nhận con chung đã thành niên nên anh chị không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí giải quyết theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Công K tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 quy định "…Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng…nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…". Do đó, không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh K là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ D, sinh năm: 1997. Hiện con chung đã thành niên nên anh chị không có yêu cầu tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết;

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những tình tiết, nội dung của vụ án và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14; Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Công K;

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ D, sinh năm: 1997. Ghi nhận con chung đã thành niên nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết;

4. Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo

biên lai thu số 0013397 ngày 09-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Công K không phải chịu tiền án phí.

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Anh K được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; chị T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện DMC;
- THADS huyện DMC;
- UBND xã Cầu Khởi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Lắm